

Bản án số: 79/2021/HS-PT
Ngày: 28-9-2021

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhậm

Ông Dương Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án N dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, Tòa án N dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 04 năm 2021, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Trần Hữu N và kháng cáo của bị hại Phạm Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Tòa án N dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo và có liên quan đến kháng cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Tại Long An. Nơi cư trú: Ấp KC, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1966; vợ Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1990; bị cáo có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 10-02-2020, bị Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện Tân Hưng xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi xâm hại sức khỏe người khác;

Nhân thân: Tháng 8 năm 2020, bị Ủy ban nhân dân xã HĐ, xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi giấu trong người các loại dao nhằm gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05-10-2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Hưng (Có mặt).

2. Đoàn Trần Hữu N, sinh năm 1991. Tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Thị trấn SR, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Bé B, sinh năm 1959 và bà Trần Ngọc A1, sinh năm 1960; vợ Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1987; bị cáo có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 08-7-2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T1 sản” chấp hành xong hình phạt ngày 29-4-2016. Ngày 08-03-2017, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T1 sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 12-02-2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05-10-2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Hưng (Có mặt).

3. Nguyễn Văn V, sinh năm 1986. Tại Long An. Nơi cư trú: Ấp KC, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ (đã chết); vợ Bùi Thị Hương L1, sinh năm 1995; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15-09-2020 đến nay (Có mặt).

4. Trần TE, sinh năm 1981. Tại Long An. Nơi cư trú: Ấp CM, xã HĐ, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Hớt tóc; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch (đã chết) và bà Lâm Thị M (đã chết); vợ Mai Thị Bích Ph, sinh năm 1978; bị cáo có 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26-10-2020 đến nay (Có mặt).

- *Bị hại có kháng cáo:* Phạm Văn T1 (tên gọi khác Phạm Tấn T1), sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp KM, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (Có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, được triệu tập:* Trương Đông H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp CM, xã HĐ, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (Vắng mặt).

- *Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:*

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn X, sinh năm 1974;
2. Lưu Thị L3, sinh năm 1954;
3. Ngô Thị L4, sinh năm 1975;
4. Nguyễn Văn A2, sinh năm 1961;
5. Lý Thị Tuyết H3, sinh năm: 1978;

Cùng trú tại: Ấp KM, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

6. Hồ Thị Tr, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp CM, xã HĐ, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trương Đông H ủy quyền cho Nguyễn Văn T trong việc giải quyết toàn bộ vấn đề có liên quan đến T1 sản của trạm bơm điện tại tổ hợp tác số 10 thuộc ấp KM, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (do ông Trương Đông H và ông Phạm Văn T1 hùn vốn đầu tư vào trạm bơm điện) nên vào ngày 12-7-2020, Nguyễn Văn T đi tìm ông Phạm Văn T1 để giải quyết việc bơm nước lấy lại để T quản lý, điều hành theo thỏa thuận giữa T và H.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi T nhìn thấy T1 đang ngồi trong quán nước của bà Ngô Thị L4. Tại đây, T yêu cầu T1 trả tiền bơm nước mà T1 đã thu trước đó, T1 không đồng ý và nói với T rằng H còn thiếu tiền của T1. T gọi điện thoại cho H hỏi có thiếu tiền của T1 không thì H nói rằng không và nói với T kêu T1 đến gặp H để làm rõ. T yêu cầu T1 đến gặp H để nói chuyện nhưng T1 không chịu đi nên T điện thoại kêu Trần TE, Đoàn Trần Hữu N và Nguyễn Văn V đến quán nước của bà L4. Khi V, TE và N đến thì hai bên xảy ra cự cãi, T kêu TE đậu xe trước quán chờ để chở T1 đi, do T1 vẫn không chịu đi nên T, N dùng tay đánh vào mặt, vào người T1 nhiều cái và cùng V lôi kéo, cầm tay T1 lên xe của TE nhưng T1 chống cự quyết liệt, do không đưa được T1 lên xe nên TE nói để TE đi kêu xe ba gác chở T1, nói xong TE chạy xe đi. Lúc này T, N và V tiếp tục lôi kéo T1 đi bộ về hướng xã HĐ, đi được một đoạn thì V quay lại quán nước của bà L4 lấy xe mô tô hiệu Airblade biển kiểm soát 62C1-115.72 chạy theo. T và N tiếp tục kè T1 đi cách quán chị L4 khoảng 130m thì V chạy xe tới, T và N đưa T1 lên xe cho V chở T1 ngồi giữa N ngồi sau giữ T1 và chạy đến vườn ổi của ông H thuộc ấp CM, xã HĐ. Sau đó, T điện thoại nói với H rằng T1 đang ở nhà chòi tại vườn ổi, khoảng 10 phút sau thì H đến và nói chuyện với T1 “tôi có thiếu tiền anh đâu” thì T1 không nói gì. H tiếp tục kêu T1 tính toán chi phí chia lợi nhuận việc bơm nước, khoảng 10 phút sau thì bà Lý Thị Tuyết H3 vợ của T1 đến, bà H3 và ông H tiếp tục nói chuyện về việc liên quan đến trạm bơm nước khoảng 15 phút sau thì bà H3 chở T1 về và trình báo vụ việc cho Công an xã HĐ B. Ngày 13-7-2020, T1 đến bệnh viện Chợ Rẫy để điều trị đến ngày 14-07-2020 thì xuất viện về nhà.

Ngày 26-8-2020, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Long An có Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 148/TgT.20-PY đối với Phạm Văn T1 tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn N là 08% (Không tám phần trăm).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Airblade biển kiểm soát 62C1-115.72

- 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 62C1-115.72 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 05/2021/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Toà án N dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Trần Hữu N, Nguyễn Văn V và Trần TE phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian thi hành án được tính kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Đoàn Trần Hữu N 01 (một) năm tù. Thời gian thi hành án được tính kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trần TE 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian Thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chế T1 bị cáo được hưởng án treo, tuyên về xử lý vật chứng, tuyên về trách nhiệm dân sự, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-3-2021 bị hại Phạm Văn T1 làm đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xét xử tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 04 bị cáo, yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Đông H. Ngày 10-3-2021, bị cáo Nguyễn Văn T và Đoàn Trần Hữu N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xử, các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Bắt người trái pháp luật” là đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo, bị cáo Đoàn Trần Hữu N xin rút yêu cầu kháng cáo. Bị hại Phạm Văn T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với 04 bị cáo, không cho bị cáo V và TE hưởng án treo, yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Đông H trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm. Đối chiếu các T1 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng N thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, không phù hợp với các quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Đối với bị cáo Đoàn Trần Hữu N tại phiên tòa phúc thẩm xin rút yêu cầu kháng cáo, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo N. Xét kháng cáo của bị hại, thấy mức án 01 năm 03 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T, 01 năm tù đối với bị cáo Đoàn Trần Hữu N, 09 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn V và 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Trần TE là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị hại không xuất trình được thêm T1 liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên mức hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị hại còn kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông H, nhưng không có căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của ông H, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo N, V, TE đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Đoàn Trần Hữu N và bị hại Phạm Văn T1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 331, 332 Bộ luật Tố tụng hình sự và trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án N dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12-7-2020, tại quán nước của bà Ngô Thị L, thuộc ấp KM, xã HĐ B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Nguyễn Văn T gọi điện thoại cho Trần TE, Đoàn Trần Hữu N và Nguyễn Văn V đến quán nước để bắt ông Phạm Văn T1 mục đích đến nói chuyện với ông Trương Đông H về việc tính toán chi phí chia lợi nhuận việc bơm nước. Khi bắt ông Phạm Văn T1, ông T1 chống cự không chịu đi theo nhóm của T, nên T và N dùng tay đánh vào mặt và người ông T1 nhiều cái. Cùng lúc này, Trần TE chuẩn bị xe ba gác và Nguyễn Văn V chuẩn bị chiếc xe mô tô Ariblade mang biển kiểm soát 62C1-115.72, rồi cùng T, N áp giải ông T1 đến nhà chòi tại vườn ổi thuộc ấp CM, xã HĐ, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Hậu quả làm ông T1 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ thương tật là 08% (Không tám phần trăm).

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân là vi phạm pháp luật, vì quyền này được ghi nhận tại Hiến pháp và cụ thể hóa tại Bộ luật Hình sự. Hành vi này còn gây bất bình trong quần chúng N dân. Các bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên hành vi của các bị cáo đủ yếu cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, thấy: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của ông T1, ngoài ra bị cáo còn điện thoại cho N, V, TE đến giúp sức cho bị cáo, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như người phạm tội phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng bị cáo có N thân xấu, năm 2020 bị UBND xã HĐ, huyện Tân Hưng xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi xâm hại sức khỏe người khác và xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi giấu trong người các loại dao nhằm gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đoàn Trần Hữu N, thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N xin rút yêu cầu kháng cáo, đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đoàn Trần Hữu N.

[6] Đối với kháng cáo của bị hại, xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm cũng như các T1 liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy trong vụ án này bị cáo T vừa là người có vai trò quan trọng nhất bởi bị cáo vừa là người khởi xướng vừa là người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật như gọi điện kêu các bị cáo khác đến bắt ông T1, dùng tay đánh vào mặt và người ông T1, sau đó cùng với các bị cáo đưa ông T1 đến gặp ông H. Các bị cáo N, V, TE cùng là người thực hành bắt ông T1, trong quá trình bắt ông T1, bị cáo N cũng đánh ông T1 mấy cái rồi cùng với V và T áp giải ông T1 đi. Đối với V ngoài việc áp giải ông T1 đi, V còn là người điều khiển xe mô tô để chở các bị cáo T, N và T1 đến gặp ông H. Bị cáo TE tuy không cùng các bị cáo còn lại đưa ông T1 đi nhưng bị cáo là người chạy xe đầu trước quán để các bị cáo khác đưa ông T1 đi, khi ông T1 chống cự thì TE là người đề xuất đi tìm xe ba gác để chở ông T1 đến gặp ông H. Như vậy, bị cáo TE là người giúp sức có vai trò thấp hơn các bị cáo còn lại. Xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra. Ngoài ra, bị cáo V và TE mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, được hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với các bị cáo như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Xét kháng cáo của bị hại đối với ông Trương Đông H, thấy rằng: Trong quá trình điều tra thể hiện ông H chỉ ủy quyền cho bị cáo T đến gặp và bàn bạc việc chia lợi nhuận bơm nước, việc các bị cáo bắt và đưa ông T1 đến nhà chòi tại vườn ổi là do các bị cáo tự thực hiện, ông H hoàn toàn không biết, nên Cơ quan điều tra không có khởi tố ông H là đồng phạm trong vụ án này là có căn cứ. Ông T1 kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông H, nhưng không cung cấp T1 liệu chứng cứ gì chứng minh ông H đã thực hiện hành vi phạm tội, nên không chấp nhận kháng cáo của bị hại như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Phạm Văn T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Phạm Văn T1; Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo Đoàn Trần Hữu N; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2021/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Toà án N dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Trần Hữu N, Nguyễn Văn V, Trần TE phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian thi hành án được tính kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 9 năm 2021) để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Trần Hữu N 01 (một) năm tù. Thời gian thi hành án được tính kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; tiếp tục tạm giam bị cáo Đoàn Trần Hữu N bằng với thời hạn hình phạt tù còn lại, kể từ ngày tuyên án. Hết thời hạn tạm giam này, nhà tạm giữ Công an huyện Tân Hưng có trách nhiệm trả tự do ngay cho bị cáo, nếu họ không bị giam, giữ về hành vi vi phạm nào khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban N dân xã HD B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án N dân tối cao;

Xử phạt: Bị cáo Trần TE 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần TE cho Ủy ban N dân xã HĐ, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Phạm Văn T1 mỗi người nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện (02);
- VKSND huyện (01);
- Chi cục THADS huyện (01);
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đức